

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036

Giám thị 1: Nguyễn Văn Trinh

Ký tên: 

Mã lớp học phần: 24211MH110403603

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: Trần Văn Long

Ký tên: 

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 31/03/2025

Giờ thi: 15h15

Phòng thi: PM 4

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410120026	Hà Lê Thành Phát	04/05/2004			3,2	Ba, hai	C26TC	
2	2410120015	Trần Huỳnh Kim Quyên	24/12/2006			6,2	Sáu, hai	C26KT	
3	2410120014	Nguyễn Minh Quyên	04/08/2006			3,8	Ba, tám	C26TC	
4	2410110002	Nguyễn Thị Ngọc Sang	28/12/1994			5,0	Năm	C26KT	
5	2410110014	Lê Thị Diễm Sương	21/05/2006			6,5	Sáu, năm	C26KT	
6	2410110033	Nguyễn Thị Thanh Thảo	02/02/2006			5,8	Năm, tám	C26KT	
7	2410110012	Nguyễn Thị Cẩm Thu	16/10/2006			5,8	Năm, tám	C26KT	
8	2410120013	Lê Minh Thuận	05/05/2006			5,5	Năm, năm	C26TC	
9	2410120010	Trương Thanh Thùy	17/05/2006			6,5	Sáu, năm	C26TC	
10	2410110011	Nguyễn Thị Minh Thư	21/06/2006			5,8	Năm, tám	C26KT	
11	2410120024	Trần Hoàng Anh Thư	13/12/2006			4,5	Bốn, năm	C26TC	
12	2410110018	Bùi Ngọc Thủy Tiên	28/10/2006			5,8	Năm, tám	C26KT	
13	2410120003	Phùng Thị Thủy Tiên	23/07/2005			6,0	Sáu	C26TC	
14	2410030016	Dương Minh Tiến	04/06/2006			4,2	Bốn, hai	C26TC	
15	2410110020	Lê Đăng Tiến	23/02/2003			3,8	Ba, tám	C26KT	
16	2210100152	Nguyễn Quốc Tín	26/10/2002			5,3	Năm, ba	C24QT5	
17	2410110009	Huỳnh Thị Bích Trâm	11/06/2006			7,2	Bảy, hai	C26KT	
18	2410120018	Nguyễn Huỳnh Trâm	16/09/2006			5,0	Năm	C26TC	
19	2410110021	Trần Thị Ngọc Trâm	30/04/2004			5,0	Năm	C26KT	
20	2410110015	Trần Lê Anh Triết	03/02/2006			5,2	Năm, hai	C26KT	
21	2410120029	Đinh Hoàng Đoan Trình	06/10/2006			3,8	Ba, tám	C26TC	
22	2410120011	Huỳnh Thị Thúy Trình	15/11/2006			6,0	Sáu	C26TC	
23	2410110003	Lê Duy Trình	24/7/2005			5,0	Năm	C26KT	
24	2410120021	Huỳnh Thanh Trúc	27/08/2006			4,8	Bốn, tám	C26TC	
25	2410110028	Nguyễn Thị Minh Trúc	04/01/2006			6,0	Sáu	C26KT	
26	2410110010	Lê Thị Bích Tuyền	28/03/2006			4,1	Bốn, một	C26KT	
27	2410110008	Nguyễn Diệp Tú Uyên	01/12/2006			4,2	Bốn, hai	C26KT	
28	2410110013	Võ Triều Vi	06/10/2004			5,5	Năm, năm	C26KT	
29	2410120005	Nguyễn Thị Thuý Vy	30/5/2006			3,0	Ba	C26TC	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
30	2410120017	Nguyễn Thị Như Ý	24/04/2006			4,1	Bốn, một	C26TC	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 30 vắng thi: 0 Số bài thi/Số tờ: 30 / 1

Số sinh viên đạt: 25 Tỷ lệ đạt: 83,3 %

Ngày 06 tháng 4 năm 2025.

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Phú Hòa.

Ngày 05 tháng 4 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Huyền

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 2 - Năm học 2024-2025

Môn học: Nguyên lý kế toán

Mã bài thi: 90MD3D

Thời gian thi: 31/03/2025 15:15:00

Thời gian kết thúc: 31/03/2025 16:15:00

Giám thị 1: Nguyễn Văn Ký tên: [Signature]
Giám thị 2: Nguyễn Văn Ký tên: [Signature]
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410120026	Hà Lê Thành Phát	04/05/2004	<u>[Signature]</u>	3.2	Ba, hai	C26TC	
2	2410120015	Trần Huỳnh Kim Quyên	24/12/2006	<u>[Signature]</u>	6.2	Sáu, hai	C26KT	
3	2410120014	Nguyễn Minh Quyên	04/08/2006	<u>[Signature]</u>	3.8	Ba, tám	C26TC	
4	2410110002	Nguyễn Thị Ngọc Sang	28/12/1994	<u>[Signature]</u>	5	Năm	C26KT	
5	2410110014	Lê Thị Diễm Sương	21/05/2006	<u>[Signature]</u>	6.5	Sáu, năm	C26KT	
6	2410110033	Nguyễn Thị Thanh Thảo	02/02/2006	<u>[Signature]</u>	5.8	Năm, tám	C26KT	
7	2410110012	Nguyễn Thị Cẩm Thu	16/10/2006	<u>[Signature]</u>	5.8	Năm, tám	C26KT	
8	2410120024	Trần Hoàng Anh Thư	13/12/2006	<u>[Signature]</u>	4.2	Bốn, hai	C26TC	
9	2410110011	Nguyễn Thị Minh Thư	21/06/2006	<u>[Signature]</u>	5.8	Năm, tám	C26KT	
10	2410120013	Lê Minh Thuận	05/05/2006	<u>[Signature]</u>	5.5	Năm, năm	C26TC	
11	2410120010	Trương Thanh Thùy	17/05/2006	<u>[Signature]</u>	6.5	Sáu, năm	C26TC	
12	2410120003	Phùng Thị Thủy Tiên	23/07/2005	<u>[Signature]</u>	6	Sáu	C26TC	
13	2410110018	Bùi Ngọc Thủy Tiên	28/10/2006	<u>[Signature]</u>	5.8	Năm, tám	C26KT	
14	2410110020	Lê Đăng Tiên	23/02/2003	<u>[Signature]</u>	3.5	Ba, năm	C26KT	
15	2410030016	Dương Minh Tiến	04/06/2006	<u>[Signature]</u>	4.2	Bốn, hai	C26TC	
16	2210100152	Nguyễn Quốc Tín	26/10/2002	<u>[Signature]</u>	5	Năm	C24QT5	
17	2410110009	Huỳnh Thị Bích Trâm	11/06/2006	<u>[Signature]</u>	7.2	Bảy, hai	C26KT	
18	2410110021	Trần Thị Ngọc Trâm	30/04/2004	<u>[Signature]</u>	5	Năm	C26KT	
19	2410120018	Nguyễn Huỳnh Trâm	16/09/2006	<u>[Signature]</u>	5	Năm	C26TC	
20	2410110015	Trần Lê Anh Triết	03/02/2006	<u>[Signature]</u>	5.2	Năm, hai	C26KT	
21	2410110003	Lê Duy Trinh	24/07/2005	<u>[Signature]</u>	5	Năm	C26KT	
22	2410120011	Huỳnh Thị Thúy Trinh	15/11/2006	<u>[Signature]</u>	6	Sáu	C26TC	
23	2410120029	Đinh Hoàng Đoàn Trinh	06/10/2006	<u>[Signature]</u>	3.8	Ba, tám	C26TC	
24	2410120021	Huỳnh Thanh Trúc	27/08/2006	<u>[Signature]</u>	4.8	Bốn, tám	C26TC	
25	2410110028	Nguyễn Thị Minh Trúc	04/01/2006	<u>[Signature]</u>	6	Sáu	C26KT	
26	2410110010	Lê Thị Bích Tuyền	28/03/2006	<u>[Signature]</u>	3.8	Ba, tám	C26KT	
27	2410110008	Nguyễn Diệp Tú Uyên	01/12/2006	<u>[Signature]</u>	4.2	Bốn, hai	C26KT	
28	2410110013	Võ Triều Vi	06/10/2004	<u>[Signature]</u>	5.2	Năm, hai	C26KT	
29	2410120005	Nguyễn Thị Thuý Vy	30/05/2006	<u>[Signature]</u>	3	Ba	C26TC	
30	2410120017	Nguyễn Thị Như Ý	24/04/2006	<u>[Signature]</u>	3.8	Ba, tám	C26TC	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 30

Số sinh viên đạt: 23

Ngày 16 tháng 4 năm 2025
P. TRƯỞNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Trần Thị Hòa

Ngày 05 tháng 4 năm 2025
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Nguyễn Thị Huyền

CAO ĐẲNG CTIM
KHOA KINH TẾ

DANH SÁCH ĐIỀU CHỈNH ĐIỂM MÔN NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

Học kỳ 2 năm học 2024-2025

MÃ ĐỀ: 9OMD3D

ST T	Mã số SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Điểm số	Mã lớp	Kết quả SV trả lời câu hỏi NLKT.TUYEN 13	Chênh lệch	Tổng cộng điểm	Ghi chú (Điểm làm tròn)
1	2410120026	Hà Lê Thành Phát	04/05/2004	3,2	C26TC	Đúng	0	3,2	3.2
2	2410120015	Trần Huỳnh Kim Quyền	24/12/2006	6,2	C26KT	Đúng	0	6,2	6.2
3	2410120014	Nguyễn Minh Quyền	04/08/2006	3,8	C26TC	Đúng	0	3,8	3.8
4	2410110002	Nguyễn Thị Ngọc Sang	28/12/1994	5	C26KT	Đúng	0	5	5
5	2410110014	Lê Thị Diễm Sương	21/05/2006	6,5	C26KT	Đúng	0	6,5	6.5
6	2410110033	Nguyễn Thị Thanh Thảo	02/02/2006	5,8	C26KT	Đúng	0	5,8	5.8
7	2410110012	Nguyễn Thị Cẩm Thu	16/10/2006	5,8	C26KT	Đúng	0	5,8	5.8
8	2410120013	Lê Minh Thuận	05/05/2006	5,5	C26TC	Đúng	0	5,5	5.5
9	2410120010	Trương Thanh Thùy	17/05/2006	6,5	C26TC	Đúng	0	6,5	6.5
10	2410110011	Nguyễn Thị Minh Thư	21/06/2006	5,8	C26KT	Đúng	0	5,8	5.8
11	2410120024	Trần Hoàng Anh Thư	13/12/2006	4,2	C26TC	Sai	0,25	4,45	4.5
12	2410110018	Bùi Ngọc Thủy Tiên	28/10/2006	5,8	C26KT	Đúng	0	5,8	5.8
13	2410120003	Phùng Thị Thủy Tiên	23/07/2005	6	C26TC	Đúng	0	6	6
14	2410030016	Dương Minh Tiến	04/06/2006	4,2	C26TC	Đúng	0	4,2	4.2
15	2410110020	Lê Đăng Tiến	23/02/2003	3,5	C26KT	Sai	0,25	3,75	3.8
16	2210100152	Nguyễn Quốc Tín	26/10/2002	5,0	C24QT5	Sai	0,25	5,25	5.3

17	2410110009	Huỳnh Thị Bích Trâm	11/06/2006	7,2	C26KT	Đúng	0	7,2	7.2
18	2410120018	Nguyễn Huỳnh Trâm	16/09/2006	5	C26TC	Đúng	0	5	5
19	2410110021	Trần Thị Ngọc Trâm	30/04/2004	5	C26KT	Đúng	0	5	5
20	2410110015	Trần Lê Anh Triết	03/02/2006	5,2	C26KT	Đúng	0	5,2	5.2
21	2410120029	Đinh Hoàng Đoan Trinh	06/10/2006	3,8	C26TC	Đúng	0	3,8	3.8
22	2410120011	Huỳnh Thị Thúy Trinh	15/11/2006	6	C26TC	Đúng	0	6	6
23	2410110003	Lê Duy Trinh	24/7/2005	5	C26KT	Đúng	0	5	5
24	2410120021	Huỳnh Thanh Trúc	27/08/2006	4,8	C26TC	Đúng	0	4,8	4.8
25	2410110028	Nguyễn Thị Minh Trúc	04/01/2006	6	C26KT	Đúng	0	6	6
26	2410110010	Lê Thị Bích Tuyền	28/03/2006	3,8	C26KT	Sai	0,25	4,05	4.1
27	2410110008	Nguyễn Diệp Tú Uyên	01/12/2006	4,2	C26KT	Đúng	0	4,2	4.2
28	2410110013	Võ Triều Vi	06/10/2004	5,2	C26KT	Sai	0,25	5,45	5.5
29	2410120005	Nguyễn Thị Thuý Vy	30/5/2006	3	C26TC	Đúng	0	3	3
30	2410120017	Nguyễn Thị Như Ý	24/04/2006	3,8	C26TC	Sai	0,25	4,05	4.1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2025

PHÓ TRƯỞNG KHOA



GIẢNG VIÊN



ThS. Trần Thị Hoa

Trần Thị Tuyền